TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1994; nơi thường trú: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Tổ 5, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1996; nơi thường trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nơi tạm trú: Hộ ông Trần Văn Chấn, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thành Đ tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 23/12/2016. Vợ chồng lập nghiệp tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau nhưng từ đầu năm 2020 giữa bà N và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Bà N nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 17/6/2017 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 27/12/2018. Khi ly hôn, bà Trần Thị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; không yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tống Đ các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Thành Đ có sinh sống, làm việc tại hộ ông Trần Văn Chấn, khu phố Cây Da, phường Thạnh Phước, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quá trình sinh sống tại địa phương Uỷ ban nhân dân phường T không nhận được đơn thư hay phản ánh của bà N cũng như ông Đ liên quan đến quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Do đó, địa phương không biết giữa vợ chồng ông bà có tên nêu trên mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ; về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 17/6/2017 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 27/12/2018 cho bà N được trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ và yêu cầu giao quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1996 có sinh sống, làm việc tại hộ ông Trần Văn Chấn, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thành Đ chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 23/12/2016. Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Trần Thị N xác định đời sống hôn nhân giữa bà và chồng là ông Nguyễn Thành Đ không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, ông Đ sống không có trách nhiệm với vợ con, không tin tưởng nhau về kinh tế trong gia đình. Vợ chồng đã ly thân. Cả hai đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không Đ kết quả nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông Đ không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà N, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông Đ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà N và ông Đ đã không Đ được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Anh Quân, sinh ngày 17/6/2017 và Nguyễn Thành Công, sinh ngày 27/12/2018. Hiện tại, các con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Anh Q và cháu Nguyễn Thành C đang sống với bà N và bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Tòa án triệu tập ông Nguyễn Thành Đ tham gia tố tụng nhưng ông Đ không tham gia. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không làm xáo trộn việc học hành, sinh hoạt của các cháu nên giao cháu Q và cháu C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

- *Về việc nuôi con chung:* Giao 02 con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 17/6/2017 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 27/12/2018 cho bà Trần Thị N

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thành Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001191 ngày 25-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- UBND xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Lài